

**BỘ GIAO THÔNG  
VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2005/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải****BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

**QUYẾT ĐỊNH:****Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với cơ

quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải, trong các trường hợp sau đây:

1. Tai nạn hàng hải liên quan đến tàu biển Việt Nam;

2. Tai nạn hàng hải liên quan đến tàu biển nước ngoài khi hoạt động tại vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam;

3. Tai nạn hàng hải xảy ra đối với tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, thủy phi cơ hoạt động tại vùng nước cảng biển Việt Nam.

**Điều 3. Phân loại tai nạn hàng hải**

Tai nạn hàng hải bao gồm:

1. Tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng

Tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng là tai nạn gây ra một trong các thiệt hại sau:

a) Làm chết hoặc mất tích trên ba người;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của trên mười người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60%;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của sáu người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên;

d) Gây thiệt hại với giá trị trên một tỷ đồng về tài sản, vật chất, chi phí cho việc sửa chữa, lai dắt, trục vớt, thanh thải phương tiện chìm đắm; chi phí cho việc khắc phục hư hỏng của công trình ngầm dưới nước và trên mặt nước; chi phí khắc phục ách tắc luồng hàng hải; chi phí khắc phục sự cố môi trường;

đ) Làm ách tắc luồng hàng hải trên 48 giờ;

e) Gây thiệt hại đồng thời về tính mạng, sức khỏe con người và tài sản, vật chất thuộc 02 đến 04 trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều này;

## 2. Tai nạn hàng hải nghiêm trọng

Tai nạn hàng hải nghiêm trọng là tai nạn gây ra một trong các thiệt hại sau:

a) Làm chết hoặc mất tích từ một đến ba người;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của năm đến mười người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60%;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho

sức khỏe của ba đến năm người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên;

d) Gây thiệt hại với giá trị từ năm trăm triệu đến một tỷ đồng Việt Nam về tài sản, vật chất để chi phí cho việc sửa chữa, lai dắt, trục vớt, thanh thải phương tiện chìm đắm; chi phí cho việc khắc phục hư hỏng công trình ngầm dưới nước và trên mặt nước; chi phí khắc phục ách tắc luồng hàng hải; chi phí khắc phục sự cố môi trường;

đ) Làm ách tắc luồng hàng hải từ 24 giờ đến 48 giờ;

## 3. Tai nạn hàng hải ít nghiêm trọng

Tai nạn hàng hải ít nghiêm trọng là tai nạn xảy ra trong các trường hợp không quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

## Chương II

### BÁO CÁO TAI NẠN HÀNG HẢI

#### Điều 4. Báo cáo tai nạn hàng hải

Báo cáo tai nạn hàng hải bao gồm Báo cáo khẩn theo Phụ lục số 1, Báo cáo chi tiết theo Phụ lục số 2 và Báo cáo định kỳ theo Phụ lục số 3. Nội dung báo cáo tai nạn hàng hải phải trung thực, chính xác, đúng thời hạn.

#### Điều 5. Báo cáo khẩn

1. Trường hợp tai nạn xảy ra trên vùng biển Việt Nam:

a) Thuyền trưởng tàu biển hoặc người có trách nhiệm cao nhất trên phương tiện thủy khác phải gửi ngay Báo cáo khẩn cho Cảng vụ Hàng hải nơi gần nhất. Trường hợp những người này không thực hiện được Báo cáo khẩn thì chủ tàu, chủ phương tiện hay đại lý của tàu bị nạn có trách nhiệm báo cáo.

b) Cảng vụ Hàng hải khi nhận được Báo cáo khẩn hoặc biết tin về tai nạn xảy ra có trách nhiệm chuyển ngay Báo cáo khẩn hoặc các thông tin đó cho các cơ quan tổ chức sau:

Cục Hàng hải Việt Nam;

Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải, nếu tai nạn gây hư hỏng, làm mất tác dụng các thiết bị trợ giúp hàng hải hoặc ảnh hưởng đến an toàn hàng hải của tàu thuyền;

Tổ chức, cá nhân quản lý hoặc khai thác các công trình, thiết bị, nếu tai nạn gây hư hỏng, tổn thất cho các công trình, thiết bị này;

Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thủy sản nếu tai nạn gây ra hoặc có khả năng gây ra sự cố môi trường hoặc tổn hại nguồn lợi thủy sản.

2. Trường hợp tai nạn xảy ra đối với tàu biển Việt Nam khi hoạt động ngoài phạm vi vùng biển Việt Nam, thuyền trưởng phải báo cáo theo yêu cầu của quốc gia ven biển và gửi Báo cáo khẩn cho Cục Hàng hải Việt Nam trong vòng 24 giờ, kể từ khi tai nạn xảy ra. Nếu tai

nạn thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng, thuyền trưởng hoặc chủ tàu phải báo cáo cho cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của Việt Nam tại quốc gia ven biển đó biết để hỗ trợ giải quyết.

3. Báo cáo khẩn có thể được gửi qua một trong những phương thức thông tin liên lạc như điện tín, fax, telex hay thư điện tử (e-mail).

Trường hợp tai nạn xảy ra trong vùng nước cảng biển thì thuyền trưởng của tàu có thể báo cáo khẩn cho trực ban Cảng vụ Hàng hải qua VHF hoặc điện thoại của tàu, nhưng sau đó phải báo cáo bằng văn bản.

4. Đối với tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng, sau khi nhận được Báo cáo khẩn, Cục Hàng hải Việt Nam phải báo cáo ngay cho Bộ Giao thông vận tải.

### **Điều 6. Báo cáo chi tiết**

Tiếp theo Báo cáo khẩn, thuyền trưởng phải gửi Báo cáo chi tiết, thời gian quy định như sau:

1. Nếu tai nạn xảy ra trong vùng nước cảng biển thì Báo cáo chi tiết phải gửi cho Cảng vụ Hàng hải tại khu vực đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi tai nạn xảy ra.

2. Nếu tai nạn xảy ra ngoài vùng nước cảng biển nhưng trong phạm vi vùng biển Việt Nam và sau khi xảy ra tai nạn, tàu vào neo đậu tại vùng nước một cảng biển Việt Nam thì Báo cáo chi tiết phải

gửi cho Cảng vụ Hàng hải tại khu vực đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi tàu đến vị trí neo, đậu. Trường hợp, sau khi xảy ra tai nạn, tàu không vào neo đậu tại vùng nước cảng biển Việt Nam thì Báo cáo chi tiết phải gửi cho Cục Hàng hải Việt Nam trong vòng 48 giờ, kể từ khi tàu hoặc thuyền viên của tàu bị nạn đến cảng ghé đầu tiên, sau khi xảy ra tai nạn.

3. Nếu tai nạn liên quan đến tàu biển Việt Nam khi hoạt động ngoài phạm vi vùng biển Việt Nam thì Báo cáo chi tiết phải được gửi cho Cục Hàng hải Việt Nam trong vòng 48 giờ, kể từ khi tàu đến cảng ghé đầu tiên, sau khi xảy ra tai nạn.

### **Điều 7. Báo cáo định kỳ**

Tai nạn hàng hải xảy ra trong phạm vi vùng biển Việt Nam và tai nạn liên quan đến tàu biển Việt Nam đều phải thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định sau:

1. Chủ tàu phải lập sổ theo dõi, cập nhật thường xuyên các tai nạn hàng hải xảy ra đối với đội tàu của mình.

Hàng quý, các chủ tàu phải báo cáo bằng văn bản gửi Cục Hàng hải Việt Nam về tai nạn xảy ra đối với đội tàu của mình. Thời gian gửi Báo cáo quý chậm nhất vào ngày mồng 5 tháng đầu của Quý sau.

2. Cảng vụ Hàng hải phải lập sổ theo dõi, cập nhật thường xuyên tai nạn hàng hải xảy ra trong vùng nước cảng biển, khu vực quản lý của cơ quan mình và tai nạn hàng hải do cơ quan mình tiến hành điều tra.

Hàng tháng, hàng quý Cảng vụ Hàng hải phải báo cáo bằng văn bản cho Cục Hàng hải Việt Nam về các tai nạn theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Thời gian gửi Báo cáo tháng vào ngày 25 hàng tháng.

Thời gian gửi Báo cáo Quý theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hàng quý và hàng năm Cục Hàng hải Việt Nam phải báo cáo bằng văn bản cho Bộ Giao thông vận tải về các tai nạn hàng hải xảy ra trong phạm vi các vùng biển Việt Nam và tai nạn của tàu biển Việt Nam.

Thời gian gửi Báo cáo quý chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu của quý sau và Báo cáo năm chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 năm sau.

4. Chủ tàu và Cảng vụ Hàng hải phải kịp thời phân tích, đánh giá nguyên nhân tai nạn hàng hải để có những biện pháp phòng ngừa, hạn chế tai nạn tương tự xảy ra đối với đội tàu của mình hoặc xảy ra trong khu vực quản lý do Cảng vụ Hàng hải phụ trách.



**Chương III****ĐIỀU TRA TAI NẠN HÀNG HẢI****Điều 8. Yêu cầu điều tra tai nạn hàng hải**

1. Điều tra tai nạn hàng hải là việc xác định điều kiện, hoàn cảnh, nguyên nhân hay những khả năng có thể là nguyên nhân gây tai nạn hàng hải nhằm có những biện pháp hữu hiệu phòng tránh và hạn chế tai nạn tương tự.

2. Tai nạn hàng hải phải được điều tra đúng quy định, kịp thời, toàn diện và khách quan.

**Điều 9. Trách nhiệm điều tra tai nạn hàng hải**

1. Giám đốc Cảng vụ Hàng hải có trách nhiệm tổ chức điều tra tai nạn hàng hải xảy ra trong khu vực quản lý của mình và tai nạn hàng hải khác do Cục Hàng hải Việt Nam hoặc cấp có thẩm quyền giao.

2. Tùy theo mức độ phức tạp của tai nạn hàng hải, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải quyết định số lượng cán bộ tham gia điều tra tai nạn, song tối thiểu phải là 02 người có đủ trình độ nghiệp vụ chuyên ngành.

3. Trường hợp cần thiết, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập Tổ điều tra tai nạn hàng hải.

**Điều 10. Cán bộ điều tra tai nạn hàng hải**

1. Cán bộ điều tra tai nạn hàng hải là cán bộ Cảng vụ Hàng hải có trình độ, năng lực chuyên môn và kiến thức pháp luật cần thiết được Giám đốc Cảng vụ Hàng hải chỉ định; trừ trường hợp đặc biệt, cán bộ điều tra do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Cán bộ điều tra tai nạn hàng hải có nhiệm vụ:

a) Lập kế hoạch điều tra tai nạn hàng hải;

b) Báo cáo bằng văn bản về quá trình điều tra tai nạn hàng hải cho Giám đốc Cảng vụ Hàng hải hoặc Thủ trưởng cơ quan giao nhiệm vụ điều tra tai nạn hàng hải.

3. Cán bộ điều tra tai nạn hàng hải có quyền:

a) Yêu cầu các bên liên quan đến tai nạn hàng hải có biện pháp giữ nguyên hiện trường;

b) Yêu cầu những người liên quan đến tai nạn hàng hải tường trình bằng văn bản vấn đề họ biết về điều kiện, hoàn cảnh, diễn biến của tai nạn hàng hải và đối tượng liên quan đến tai nạn hàng hải. Trường hợp cần thiết phải thẩm vấn những người này thì cán bộ điều tra phải thông báo cho họ biết trước về thời gian, địa điểm tiến hành thẩm vấn;

c) Yêu cầu thuyền trưởng của tàu cung

cấp bản sao Nhật ký hàng hải, Nhật ký máy tàu, Nhật ký tay chuông, Nhật ký vô tuyến điện, bản ghi hướng đi, hải đồ khu vực tàu bị nạn và các dữ liệu cần thiết khác về tàu và trang thiết bị trên tàu;

d) Yêu cầu cơ quan phân cấp và giám sát kỹ thuật của tàu, chủ tàu, đại lý của tàu, đài thông tin duyên hải, Trung tâm phối hợp tìm kiếm - cứu nạn hàng hải, Trung tâm điều hành hệ thống giám sát lưu thông tàu biển (VTS), Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải, Hoa tiêu hàng hải và các cơ quan, tổ chức có liên quan khác cung cấp thông tin cần thiết cho việc điều tra tai nạn hàng hải.

đ) Đến nơi xảy ra tai nạn hàng hải và lên tàu kiểm tra hiện trường, xem xét các vị trí làm việc và lấy các vật mẫu cần thiết cho công tác điều tra. Khi tiến hành các công việc này, nhất thiết phải có sự chứng kiến, xác nhận của người có thẩm quyền trên tàu và tránh ảnh hưởng đến sự vận hành an toàn của tàu;

e) Kiểm tra, sao in hồ sơ, giấy tờ đăng ký hành chính, đăng kiểm, bảo hiểm, kỹ thuật của tàu và trang thiết bị kỹ thuật có liên quan; bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên để phục vụ việc đánh giá tình trạng kỹ thuật của trang thiết bị có liên quan và khả năng đi biển của tàu trước chuyến đi và ngay khi xảy ra tai nạn;

g) Sử dụng các thiết bị ghi âm, chụp ảnh và ghi hình trong quá trình điều tra, nếu thấy cần thiết.

### **Điều 11. Thời hạn điều tra tai nạn hàng hải**

1. Đối với các tai nạn hàng hải xảy ra trong vùng nước cảng biển thì thời hạn điều tra không quá 30 ngày, kể từ ngày tai nạn hàng hải xảy ra.

2. Đối với các tai nạn hàng hải xảy ra ngoài vùng nước cảng biển nhưng trong phạm vi vùng biển Việt Nam thì thời hạn điều tra không quá 30 ngày, kể từ ngày tàu đến cảng biển Việt Nam đầu tiên sau khi bị tai nạn.

3. Đối với các tai nạn hàng hải xảy ra ngoài phạm vi vùng biển Việt Nam thì thời hạn điều tra do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định.

4. Trong trường hợp phức tạp, nếu việc điều tra tai nạn hàng hải không thể hoàn thành trong thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì Giám đốc Cảng vụ Hàng hải phải kịp thời báo cáo bằng văn bản cho Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định gia hạn điều tra tai nạn hàng hải.

5. Đối với tai nạn hàng hải do cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, Điều 9 quyết định thành lập Tổ điều tra thì thủ trưởng cơ quan ra quyết định điều tra sẽ quyết định thời hạn điều tra và gia hạn thời hạn điều tra.

### **Điều 12. Thực hiện điều tra tai nạn hàng hải**

1. Ngay sau khi nhận được Báo cáo

khẩn quy định tại Điều 5 Quyết định này hoặc bất kể một nguồn tin nào về tai nạn hàng hải xảy ra trong khu vực quản lý của mình thì Giám đốc Cảng vụ Hàng hải phải xác minh thông tin nhận được để triển khai công tác điều tra tai nạn hàng hải.

2. Công tác điều tra tai nạn hàng hải thực hiện theo trình tự sau:

a) Chỉ định cán bộ chủ trì điều tra, các thành viên và cộng tác viên điều tra;

b) Thu thập các thông tin ban đầu về tai nạn hàng hải;

c) Thông qua kế hoạch điều tra do cán bộ chủ trì điều tra đề xuất;

d) Đến nơi xảy ra tai nạn hàng hải, lên tàu kiểm tra tại chỗ các hư hỏng và vết tích để lại sau tai nạn nhằm xác định, thu thập chứng cứ cần thiết;

đ) Tiến hành thẩm vấn những người liên quan đến tai nạn hàng hải và những người chứng kiến tai nạn hàng hải;

e) Tổng hợp các thông tin thu thập được. Nếu thấy cần thiết có thể tiến hành kiểm tra và thẩm vấn bổ sung để làm rõ thêm những vấn đề còn nghi vấn;

g) Căn cứ quy định pháp luật hiện hành về an toàn hàng hải, tiến hành phân tích các thông tin thu thập được, kể cả các kết luận giám định vật mẫu, vết tích liên quan đến tai nạn hàng hải.

3. Đối với tai nạn hàng hải mà các cơ

quan khác thực hiện điều tra theo chức năng của họ, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải phải tiến hành điều tra theo quy định của Quyết định này.

4. Trường hợp cần thiết, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải có thể hợp đồng với các chuyên gia am hiểu về chuyên môn, nghiệp vụ hàng hải hay các cơ quan giám định, các phòng thí nghiệm để tư vấn về một lĩnh vực chuyên sâu, giám định và phân tích các vật mẫu liên quan đến tai nạn hàng hải.

### **Điều 13. Kết luận điều tra tai nạn hàng hải**

1. Nội dung kết luận điều tra tai nạn hàng hải bao gồm:

a) Kết luận về điều kiện, hoàn cảnh xảy ra tai nạn; các vi phạm, các yếu tố hay khả năng cấu thành nguyên nhân gây tai nạn. Các kết luận này phải trên cơ sở pháp luật, chứng cứ xác đáng;

b) Biện pháp hoặc kiến nghị biện pháp phòng ngừa, hạn chế tai nạn tương tự;

c) Biện pháp xử lý hành chính thuộc thẩm quyền của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải hoặc kiến nghị biện pháp xử lý để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với những hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải.

2. Kết luận điều tra tai nạn phải gửi cho mỗi bên liên quan một bản, một bản gửi cho Cục Hàng hải Việt Nam chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn điều tra

tai nạn. Trường hợp tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng thì văn bản kết luận điều tra tai nạn hàng hải phải được gửi cho Bộ Giao thông vận tải.

Bản sao kết luận điều tra tai nạn hàng hải có thể được cấp cho cá nhân hoặc pháp nhân khác có liên quan trực tiếp đến tai nạn, nếu họ có văn bản yêu cầu Cảng vụ Hàng hải cung cấp.

#### **Điều 14. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại**

1. Trường hợp công ty quản lý, khai thác tàu biển Việt Nam; chủ phương tiện; thuyền trưởng, thuyền viên và hoa tiêu có liên quan hoặc người quản lý các công trình, thiết bị bị thiệt hại do tai nạn hàng hải không đồng ý với kết luận về các hành vi vi phạm và nguyên nhân gây tai nạn nêu trong văn bản kết luận điều tra tai nạn hàng hải (sau đây gọi chung là người khiếu nại) thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đó (theo dấu bưu điện đến), phải có đơn khiếu nại gửi Giám đốc Cảng vụ Hàng hải đã tiến hành điều tra và công bố kết luận điều tra tai nạn hàng hải.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải phải thụ lý và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại biết, trường hợp không thụ lý thì phải nêu rõ lý do. Thời hạn giải quyết khiếu nại của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn

giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại.

Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải mà người khiếu nại không đồng ý, thì có quyền khiếu nại lên Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam. Trong trường hợp này, người khiếu nại phải gửi đơn kèm theo bản sao Quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải và các tài liệu liên quan đến khiếu nại.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam phải thụ lý và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại và Giám đốc Cảng vụ Hàng hải đã giải quyết khiếu nại biết; trường hợp không thụ lý thì phải nêu rõ lý do. Thời hạn giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 60 ngày.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam mà người khiếu nại không đồng ý, thì có quyền khiếu nại lên Bộ trưởng Bộ



Giao thông vận tải. Trong trường hợp này, người khiếu nại phải gửi đơn kèm theo bản sao Quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.

Thủ tục, thời hạn thụ lý, giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải như quy định tại khoản 2 Điều này. Quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

#### **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 15. *Hiệu lực thi hành***

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và thay thế Quyết định số 2756/2002/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Thể lệ báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

#### **Điều 16. *Tổ chức thực hiện***

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ liên quan thuộc Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Đào Đình Bình**

Phụ lục số 1 <i>Form No. 1</i>	Người báo cáo: Thuyền trưởng <input type="checkbox"/> Chủ phương tiện <input type="checkbox"/> <i>Reporting person Master Shipowner</i>
Ban hành kèm theo Quyết định số .../2005/QĐ-BGTVT ngày .../.../2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	Cơ quan nhận báo cáo: Cảng vụ..... <i>Receiving agency Port Authority of</i>
	<b>BÁO CÁO KHẨN</b> <b>URGENT REPORT</b> <b>TAI NẠN HÀNG HẢI</b> <b>ON A MARINE ACCIDENT</b>

Tên tàu.....	Loại tàu.....	Hồ hiệu.....
<i>Ship's name</i>	<i>Type of ship</i>	<i>Call sign</i>
Số IMO.....	Quốc tịch.....	Cảng đăng ký .....
<i>IMO Number</i>	<i>Nationality</i>	<i>Port of Registry</i>
Thuyền bộ, kể cả Thuyền trưởng.....	Quốc tịch .....	
<i>Ship's crew, including the Master</i>	<i>Nationality</i>	

Kích thước tàu (L x B x H).....	
<i>Ship's dimentions</i>	
Tổng dung tích (GT).....	Trọng tải toàn phần, mùa hè (MT) .....
<i>Gross tonnage</i>	<i>Summer deadweight</i>
Loại tai nạn.....	Ngày, giờ xảy ra tai nạn.....
<i>Accident's type</i>	<i>Date and local time of occurrence</i>
Vị trí xảy ra tai nạn: Vĩ độ.....	Kinh độ.....
<i>Position of occurrence Latitude</i>	<i>Longitude</i>
Địa điểm .....	
<i>Location</i>	

Thời tiết biển khi xảy ra tai nạn:  
*Marine weather at /around moment of the occurrence*

- Hướng và sức gió .....  
*Wind's direction and force*
- Tình trạng mặt biển.....  
*Sea state*
- Tầm nhìn xa .....  
*Visibility*

Thời tiết biển khi báo cáo:  
*Marine weather at moment of reporting*

- Hướng và cấp gió .....  
*Wind's direction and force*

- Tình trạng mặt biển.....  
*Sea state*
- Tầm nhìn xa .....  
*Visibility*

Thiệt hại sơ bộ đối với tàu mình:

*Estimated damage to own ship*

- Về người:..... chết;..... mất tích;..... bị thương  
*Human life                      dead                      missed                      injured*
- Về tàu, trang bị .....  
*Damage to ship and equipment*
- Về hàng hóa: .....  
*Damage to cargoes*

Thiệt hại sơ bộ đối với các bên khác, nếu biết:

*Estimated damage to others, if known*

- Về người:..... chết;..... mất tích;..... bị thương  
*Human life                      dead                      missed                      injured*
- Về tàu, trang bị .....  
*Damage to ship and equipment*
- Về hàng hóa: .....  
*Damage to cargoes*
- Về công trình, thiết bị: .....  
*Damage to marine construction, equipment*

Hàng hóa chở trên tàu, kể cả hàng nguy hiểm, độc hại (nếu có): .....

*Onboard cargoes, including dangerous and harmful cargoes (if any)*

Tên cảng ghé lần cuối: ..... ngày, giờ rời cảng.....

*Last port of call*

*Date and time of departure*

Tên cảng tới:..... ngày, giờ dự kiến đến.....

*Next port of call*

*ETA*

Các yêu cầu hỗ trợ đã phát đi từ tàu.....

*Dispatched assistance required*

Các yêu cầu đã được đáp ứng .....

*Assistance rendered*

Hiểm nguy đối với người, tàu, môi trường.....

*Dangers to human, ship, environment*

Tên, địa chỉ liên lạc của:

*Name, address of*

- Chủ phương tiện hay Người khai thác tàu:

*Shipowner or Ship operator*

+ Tên đầy đủ:.....

*Full name*

+ Địa chỉ: .....

*Address:*

+ Điện thoại:.....

*Telephone number*

+ Số Fax: .....

*Telefax number*

+ E-mail: .....

*Email address*

- Người bảo hiểm P & I:

*P&I Club*

+ Tên đầy đủ:.....

*Full name*

+ Địa chỉ: .....

*Address:*

+ Điện thoại:.....

*Telephone number*

+ Số Fax: .....

*Telefax number*

+ E-mail: .....

*Email address*

- Đại lý tàu tại Việt Nam:

*Ship's agent in Vietnam*

+ Tên đầy đủ:.....

*Full name*

+ Địa chỉ: .....

*Address:*

+ Điện thoại:.....

*Telephone number*

+ Số Fax: .....

*Telefax number*

+ E-mail: .....

*Email address*

Họ tên, quốc tịch của Thuyền trưởng:.....

*Master's name and nationality*

....., ngày..... tháng..... năm 20....

*date month year*

Tên và chữ ký của người báo cáo

*Name and signature of reporting person*



Phụ lục số 2

Annex No. 2

Ban hành kèm theo Quyết định số

.../2005/QĐ-BGTVT

ngày .../.../2005

của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

**BÁO CÁO CHI TIẾT***DETAILED REPORT***TAI NẠN HÀNG HẢI***ON A MARINE ACCIDENT***MỘT SỐ LƯU Ý****SOME NOTES**

1. (a) Thuyền trưởng phải ký vào Báo cáo này. Tuy nhiên, Chủ phương tiện cũng có thể sử dụng Mẫu

*The form shall always be signed by the Master. The Shipowner may, however, also use the form*

- (b) Dùng CHỮ IN hoặc máy chữ để điền biểu Báo cáo.

*The form shall be filled in with CAPITAL LETTERS / typewriter*

2. (a) Báo cáo này được chia làm Phần chung (A) và các phần sử dụng cho từng loại tai nạn cụ thể (từ B đến J)

*The form is divided in a general part (A) and a part which shall be used for the occurrence in question (B-J)*

- (b) Luôn phải điền Phần A; hàng hóa nguy hiểm được phân loại theo Bộ luật IMDG (mục 35) cũng phải liệt kê trong mọi trường hợp bất kể tai nạn là loại nào. Phần từ B-J được sử dụng cho từng loại tai nạn cụ thể.

*Part A shall always be filled in; IMDG-classed goods shall always be listed regardless of accident type (item 35) Part B-J shall be filled in for the accident / occurrence in question.*

3. Trên tàu biển Việt Nam phải luôn sẵn có biểu Báo cáo này. Tàu nước ngoài do Đại lý của tàu cung cấp.

*This form should always be available onboard the Vietnamese vessels. For foreign vessels it should be provided with by the Local Agent.*

4. Báo cáo này sau khi được hoàn thiện và các bản trích, sao Nhật ký tàu, Nhật ký dầu, Nhật ký làm hàng; Danh sách thuyền viên; bản sao các bản ghi tự động và các giấy tờ liên quan khác được trình cho:

*The completed form and extracts of the log books, copies or extracts of oil record or cargo record book, crew list, copies of automatic records and other relevant documents shall be submitted to:*

- Cảng vụ có liên quan trong thời hạn như sau:

- *The relevant Port Authority within a time-limit as follows:*

+ Trong vòng 24 giờ kể từ khi tai nạn xảy ra, nếu tai nạn xảy ra trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải ở Việt Nam;

+ *24 hours from the moment of occurrence, if the accident occurred within a Port waters or navigable areas in Vietnam;*

+ Trong vòng 24 giờ kể từ khi đến cảng biển Việt Nam, nếu tai nạn xảy ra ngoài phạm vi vùng nước cảng biển và sau khi xảy ra tai nạn tàu ghé vào một cảng biển Việt Nam.

+ 24 hours from the moment of arrival at a Vietnamese port, if the accident occurred outside the Port waters and after the occurrence the vessel in question called at the port.

- Cục Hàng hải Việt Nam (Số 8 Đường Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam - Fax: 84.4.7683058) trong vòng 48 giờ kể từ khi đến cảng ghé đầu tiên ngoài Việt Nam nếu tai nạn xảy ra trong các vùng biển Việt Nam và sau khi xảy ra tai nạn, tàu được phép tiếp tục hành trình.

- The Vietnam Maritime Administration (No. 8 Pham Hung Road, Cau Giay, Badminh District., Hanoi, VIETNAM; Fax: 84. 4.7683058) within 48 hours from the moment of arrival at first port outside the Vietnam, if the accident occurred in Vietnamese waters and after the occurrence the vessel in question was permitted to continue the voyage;

- Cục Hàng hải Việt Nam (Số 8 Đường Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam - Fax: 84.4.7683058) trong vòng 48 giờ kể từ khi đến cảng biển nước ngoài, nếu tai nạn liên quan đến tàu biển Việt Nam và xảy ra ngoài phạm vi các vùng biển Việt Nam.

- The Vietnam Maritime Administration ((No. 8 Pham Hung Road, Cau Giay, Badminh District, Hanoi, VIETNAM; Fax: 84. 4.7683058) within 48 hours from the moment of arrival at first foreign port, if a Vietnamese vessel involved in the accident occurred outside the Vietnamese waters.

5. Báo cáo phải được điền đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, ví dụ:

*The form must be completely filled in as requested, for example:*

(a) Trong trường hợp đâm va thì phải điền phần A và B;

*In case of collision, both A and B shall be filled in*

(b) Trong trường hợp hỏng máy gây ra đâm va thì phải điền phần A, B và F

*If engine failure has caused the collision, A, B and F shall be filled in*

Ngoài ra, cần tham khảo một số từ vựng tiếng Anh liên quan đến các mục phải khai báo ở trang sau.

## TERMS WHICH SHALL BE USED

*Items 29, 30 and 31***Type of cargo**

Empty

Ballast

Dry cargo-general cargo-container

Bulk (ore, coal, grain, etc)

Oil - oil products

Gas (LPG, LNG)

Liquid chemicals

Passenger (also ferries)

Fish and fish products

Refrigerated cargo

Cars

Trailers

Unknown

*Item 40***Type of waters/fairways**

At quay, in dock, etc

Within the harbor area

Channel, river, buoyaged fairway

Narrow fairway (along the coast)

Traffic separation zone

Coastal waters

Outer coastal waters

Open sea

Oil exploration area

Other

**Ship activities**

Laid up

At the workshop

At quay

At anchor

At the cargo buoy

Drilling work

At an installation (oil terminal, etc)

Arrival to port

Departure from port

At sea

Fishing

Sea survey

Dredging

Ice breaking

*Item 41***Main activities on board**

Storage

Maintenance/repair in machinery spaces

Other maintenance work

Cleaning/preparation or similar of cargo  
holds/tanks

Mooring/Preparation for departure

Anchor handling/anchoring

Drilling

Handling of fishing equipment

Trawling

Dredging

Sea survey

Normal sea voyage (routine work)

Icebreaking

Safety drills/training

Other (indicate what)

Tests

Stationary

*Item 45***Type of accident**

An accident at sea may include several occurrences. In such cases the occurrences in question shall be recovered in chronological order.

**EXAMPLE**

An engine failure causes collision and the ship capsized.

*This is recorded:* engine failure - collision - capsizing.



## BÁO CÁO CHI TIẾT TAI NẠN HÀNG HẢI

*Detailed report on a Maritime accident*

## A. PHẦN CHUNG (Điền trong tất cả các trường hợp)

*GENERAL PART (To be filled in for all types of accidents)*

CÁC THÔNG SỐ CỦA TÀU SHIP'S DATA	1	Tên tàu <i>Ship's name</i>		Hồ hiệu <i>Signal letters</i>	Cảng đăng ký <i>Port of registry</i>		Quốc tịch <i>Nationality</i>			
	2	Loại tàu <i>Ship's type</i>		Năm đóng <i>Year of built</i>	Vật liệu đóng <i>Material</i>		Năm hoán cải, nếu có <i>Year of rebuilt, if possible</i>			
	3	Dung tích <i>Tonnage</i>	Toàn phần <i>Gross</i>	Tĩnh <i>Net</i>	Trọng tải <i>Dwt.</i>	MÙA HÈ <i>SUMMER</i>	Mớn nước <i>Draught</i>	Trọng tải <i>Dwt.</i>	MÙA ĐÔNG <i>WINTER</i>	Mớn nước <i>Draught</i>
	4	Các kích thước <i>Dimensions</i>	Chiều dài <i>Length</i>	Chiều rộng <i>Breadth</i>	Máy chính <i>Main Engine</i>	Sản xuất tại <i>Make</i>	Loại <i>Type</i>		Công suất máy (kW) <i>Engine power</i>	
	5	Cơ quan phân cấp <i>Class</i>	Dấu phân cấp <i>Class designation</i>	Cấp di băng <i>Ice class</i>	Bảo hiểm thân tàu <i>Hull insurance</i>	Công ty bảo hiểm <i>Insurance company</i>		<i>P&amp;I</i>		
	6	Lần kiểm tra phân cấp gần nhất, địa điểm và thời gian <i>Latest Class inspection, Place and date</i>			Khiếm khuyết <i>Deficiencies</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>		Nêu lý do của các khiếm khuyết <i>Indicate the reason for the deficiencies</i>			
	7	Lần kiểm tra PSC gần nhất, địa điểm và thời gian <i>Latest PSC inspection, Place and date</i>			Khiếm khuyết <i>Deficiencies</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>					
	8	Lần kiểm tra gần nhất các thiết bị cứu sinh và cứu hỏa <i>Latest control of fire and life-saving equipment</i>		do PSCO <i>by PSCO</i> do cơ quan phân cấp <i>by the class</i>	do thuyền bộ <i>by the crew</i>		Tàu có đáy đôi không? <i>Has the ship double bottom below the cargo spaces</i>  <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>			
	9	Lần lên đà gần nhất <i>Latest docking</i> Địa điểm và thời gian <i>Place and date</i>			Tình trạng của đáy đôi của tàu tại lần lên đà gần nhất. <i>The quality of ship's bottom at the latest docking</i>					
	10	Lần vệ sinh gần nhất <i>Latest cleaning of</i> Ngày <i>Date</i>	đáy tàu <i>ship's bottom</i>	hầm hàng <i>cargo spaces</i>	két chở hàng <i>cargo tanks</i>	két ballast <i>ballast tanks</i>				

			Có giá trị đến				Có giá trị đến
			Valid until				Valid until
11	GIẤY CHỨNG CHỈ CỦA TÀU SHIP'S CERTIFICATES	Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Certificate of Registry		Giấy chứng nhận an toàn toàn Safety certificates	Tàu khách Passenger ship		
					Ngày Date		
		Giấy chứng nhận an toàn tàu khách khách Passenger ship safety certificates			Kết cấu Construction	Trang thiết bị Equipment	
				Ngày Date	Ngày Date		
		Vận chuyển khí hóa lỏng Transport of liquefied gas		Vô tuyến điện báo Radiotelegraphy	Vô tuyến điện thoại Radiotelephony		
				Ngày Date	Ngày Date		
		Vận chuyển hóa chất lỏng Transport of liquid chemicals		Giấy chứng nhận miễn trừ Exemption certificate		Ngày Date	
12		Giấy chứng nhận IOPP của tàu hàng khô hàng khô IOPP Dry cargo ships		Bè cứu sinh Liferafts		Ngày Date	
				kiểm tra định kỳ hàng năm annual inspection			
		Giấy chứng nhận IOPP của tàu dầu dầu IOPP tankers		Các giấy chứng nhận khác Other certificate		Ngày Date	
13	GIẤY CN mạn khô Load line	Quốc gia National	Quốc tế International	Bảng độ lệch Deviation table	Vô tuyến tầm phương Radio direction finding	La bàn từ Magnetic compass	
					Ngày tháng date	Ngày tháng date	
14	Khu vực hoạt động theo các Giấy chứng nhận Trade area according to Certificates						

13	Duy trì trên tàu <i>Onboard is kept</i>	Nhật ký tàu <i>Ship log book</i> <input type="checkbox"/>	Bản nháp <i>Rough draft</i> <input type="checkbox"/>	Sổ lệnh đêm buồng lái <i>Night orderbook bridge</i> <input type="checkbox"/>	Nhật ký điều động buồng lái <i>Engines manoeuvres book bridge</i> <input type="checkbox"/>	Nhật ký VTĐ <i>Radio log book</i> <input type="checkbox"/>	Nhật ký dầu <i>Oil record book</i> <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		Nhật ký buồng máy <i>Engine room log book</i> <input type="checkbox"/>	Bản nháp <i>Rough draft</i> <input type="checkbox"/>	Nhật ký điều động máy <i>Manoeuvres log engine</i> <input type="checkbox"/>	Sổ nhật ký trực <i>Working hour log book</i> <input type="checkbox"/>	Sổ nhật ký phát thuốc <i>Dispensary log</i> <input type="checkbox"/>		Không ghi <i>No recording</i> <input type="checkbox"/>
14	Tự động ghi <i>Automatic recording by</i>	Hướng <i>Course recording diagram</i> <input type="checkbox"/>	Điều động <i>Manoeuvring recording diagram</i> <input type="checkbox"/>	Bảng ghi độ sâu <i>Echo sounding recording diagram</i> <input type="checkbox"/>	Hộp đen <i>"Black box"</i> <input type="checkbox"/>	Không ghi <i>No recording</i> <input type="checkbox"/>		

15	THUYỀN VIÊN/HÀNH KHÁCH MANNING/PASSENGERS	GCN Định biên an toàn tối thiểu <i>Minimum crew decision</i> Ngày <i>Date</i>	Thuyền trưởng <i>Master</i>	Các sỹ quan boong <i>Mates</i>	Các sỹ quan máy <i>Engineers</i>	VTĐ <i>Wireless operator</i>	Thủy thủ <i>Deck crew</i>	Thợ máy <i>Engine crew</i>	Những người khác <i>Other personnel</i>	Tổng <i>Total</i>
16		Số thuyền viên theo GCN <i>Crew number according to decision</i>								
17		Thuyền viên trên tàu lúc tai nạn <i>Manning on board at the accident</i>								
18		Tất cả thuyền viên có được đăng ký và thông báo cho cơ quan đăng ký thuyền viên hay không? <i>Were all signed on and reported to the register of seafarers</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Số hành khách <i>Number of passengers</i>		Số thuyền viên <i>Number of crew</i>					
19		Nêu rõ tại sao lại giảm số thuyền viên, nếu có <i>Indicate why the crew was reduced, if applicable</i>								

20	NĂNG LỰC CỦA THUYỀN VIÊN CREW COMPETENCY	Trực ca <i>On watch</i> Ngày <i>Date</i>	Chức danh <i>Rank</i>	Tuổi <i>Age</i>	GCN Khả năng chuyên môn <i>Certificates of competence</i>	Thời gian đi biển với chức danh sỹ quan <i>Time at sea as officer</i>	Thời gian đi biển với chức danh hiện tại <i>Time at sea in present rank</i>	Ngày lên tàu đảm nhiệm chức danh hiện tại <i>Entered the rank onboard date</i>
		Thuyền trưởng <i>Master</i>						
		Sỹ quan trực ca boong <i>Watchkeeping officer deck</i>						
		Sỹ quan trực ca buồng máy <i>Engineer on watch or on duty</i>						
		Các thuyền viên trực ca khác <i>Other crew members on duty</i>			Nhiệm vụ được giao <i>Work assignment</i>	Thời gian đi biển <i>Time at sea</i>		
23		Như trên <i>Ditto</i>						

24	<p>Có miễn trừ nào về tiêu chuẩn chuyên môn không?  <i>Was there an exemption for the qualification?</i>          Nêu rõ miễn trừ  <i>Indicate which</i></p>	<p><input type="checkbox"/> Có   <input type="checkbox"/> Không  <i>Yes   No</i></p>
----	--	--

GIỜ LÀM VIỆC WORKING HOURS	SỐ GIỜ LÀM VIỆC TRƯỚC KHI XẢY RA TAI NẠN WORKING HOURS BEFORE THE ACCIDENT				Số giờ đã trực khi tai nạn xảy ra <i>Hours on watch when the accident occurred</i>	HỆ THỐNG TRỰC CA WATCH SYSTEM
		24 tiếng trước <i>Last 24 hours</i>	48 tiếng trước <i>Last 48 hours</i>	Tuần trước <i>Last week</i>		
	25 Thuyền trưởng <i>Master</i>					<input type="checkbox"/> Hệ thống trực 2 ca <i>Two watch system</i>
	26 Sỹ quan boong <i>Mate</i>					<input type="checkbox"/> Hệ thống trực 3 ca <i>Three watch system</i>
	27 Sỹ quan máy <i>Engineer</i>					<input type="checkbox"/> Khác <i>Other</i>
28	Các thuyền viên trực ca khác <i>Other crew members on duty</i>					<input type="checkbox"/> Không có <i>No watch system</i>



Trọng lượng ghi theo tấn hệ mét

*Weights shall be given in metric tonnes*

29	Loại hàng hóa trên tàu <i>Type of cargo on board</i>				Loại hàng hóa chở trong chuyến trước <i>Type of cargo the voyage before</i>						
30	Phân bố hàng hóa (loại và trọng lượng trong các hầm hàng/trên boong) <i>Cargo location (type and weight in cargo holds/on deck)</i> Kèm theo sơ đồ xếp hàng <i>Attach a cargo plan</i>										
		Hầm/Két <i>Hold / Tank</i> Số <i>No</i>	Hầm/Két <i>Hold / Tank</i> Số <i>No</i>	Hầm/Két <i>Hold / Tank</i> Số <i>No</i>	Hầm/Két <i>Hold / Tank</i> Số <i>No</i>	Hầm/Két <i>Hold / Tank</i> Số <i>No</i>	Hầm/Két <i>Hold / Tank</i> Số <i>No</i>	Hầm/Két <i>Hold / Tank</i> Số <i>No</i>			
	Loại <i>Type</i> Trọng lượng <i>Weight</i>										
	Hàng trên boong <i>Deck cargo</i>	Tại nắp hầm số <i>At hatch no</i>	Tại nắp hầm số <i>At hatch no</i>	Tại nắp hầm số <i>At hatch no</i>	Các vị trí khác, nếu có <i>Other location of cargo, if applicable</i>						
31	Loại hàng trên boong <i>Type of deck cargo</i> Trọng lượng <i>Weight</i>										
	Chiều cao của hàng trên boong <i>Height of deck cargo</i>										
32		Két <i>Tank</i>	Trọng lượng <i>Weight</i>	Két <i>Tank</i>	Trọng lượng <i>Weight</i>	Két <i>Tank</i>	Trọng lượng <i>Weight</i>	Két <i>Tank</i>	Trọng lượng <i>Weight</i>	Mức tiêu thụ/24 giờ đi biển <i>Consumption per 24 hours at sea</i>	Kết sử dụng gần nhất <i>Lastest from tank no</i>
	Dầu bôi trơn <i>Lube oil</i>										
	Nước ngọt <i>Fresh water</i>										
	Nước dằn <i>Ballast</i>										
33	Có chở hàng nguy hiểm không? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Is dangerous goods carried? Yes No</i>										
34	Nếu có, nêu loại theo IMDG (hàng hóa được đóng gói), loại hàng hóa và loại đóng gói/chuyên chở (kèm theo danh sách, sơ đồ xếp hàng hoặc sơ đồ các kết) <i>If yes, indicate IMDG-class (packaged goods) type of goods and type of cargo carrier / package (attach list, cargo plan or cargo tank plan)</i>										

35	Hàng hóa được phân cách <input type="checkbox"/> IMDG <input type="checkbox"/> Thỏa thuận Baltic phù hợp với <i>The goods is separated in accordance with</i> <i>IMDG code</i> <i>The Baltic Sea agreement</i>							
36	Tổng cộng <i>Total</i>	Hàng hóa <i>Cargo</i>	Nhiên liệu <i>Bunkers</i>	Nước ngọt <i>Fresh water</i>	Nước dằn <i>Ballast</i>	Tổng cộng <i>Total</i>	% đầy tải <i>Load in % of full load</i>	
37	Tại lúc khởi hành At departure was	Mớn nước mũi <i>Draught fwd</i>	Mớn nước lái <i>Draught aft</i>	Mớn nước giữa tàu <i>Draught amidship</i>	Mạn phải <i>Stb</i>	Mạn khô <i>Meassured freeboard</i>	Mạn trái <i>Prt</i>	Tỷ trọng nước khi đọc mớn <i>Water density at draught reading</i>
Nghiêng <i>List</i>  <input type="checkbox"/> Stb <input type="checkbox"/> Prt		Độ nghiêng <i>Degrees</i>	Lý do nghiêng <i>Reason for the list</i>					
Mômen uốn võng <i>Sagging momnet</i>		Mômen uốn võng <i>Hogging moment</i>	Chiều cao tâm nghiêng tính toán <i>Calculated GM</i>	Cánh tay đòn ổn định lớn nhất <i>Maximum righting arm</i>	Có tính toán ổn tính không? <i>The stability calculations are carried out</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes No			
38	Lúc bắt đầu chuyến đi, hàng hóa được chằng buộc bởi <i>At the start of the voyage, the cargo was secured by</i>			Thuyền viên <i>Crew</i>	Việc chằng buộc được giám sát bởi <i>The securing of the cargo was controlled by</i>			
				Công nhân bốc dỡ <i>Stevedores</i>				
39	Nêu thời gian và địa điểm của lần thực tập cứu hỏa và cứu sinh được ghi trong nhật ký tàu <i>Indicate place and date for the lastest fire and life-saving drills with reference to the ship's log</i>							
THỰC TẬP CỨU HỎA/CỨU SINH FIRE/LIFE SAVING DRILLS	Địa điểm <i>Place</i>	Ngày <i>Date</i>	Trang <i>Page</i>	Mức độ huấn luyện <i>Extent of the training</i>				

40	Vùng nước <i>Type of waters</i>						Các hoạt động của tàu <i>Activities of the ship</i>						
	41 Các hoạt động chính trên tàu <i>Main activities on board</i>												
	42	Hướng <i>Direction</i>	GIÓ <i>WIND</i>	Sức gió <i>Strength</i>	Hướng <i>Direction</i>	SÓNG <i>WAVE</i>	Chiều cao <i>Height</i>	Hướng <i>Direction</i>	SÓNG LŨNG <i>SWELL</i>	Chiều cao <i>Height</i>	Hướng <i>Direction</i>	D. CHẢY <i>CURRENT</i>	Tốc độ <i>Speed</i>
43	Mưa <i>Precipitation</i>	Loại <i>Type</i>	Sương mù <i>Fog</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>		Tầm nhìn xa, hải lý <i>Visibility in nautical miles</i>		Có băng hay không <i>Presence of ice</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>		Nhiệt độ không khí <i>Air temperature</i>		Nhiệt độ nước biển <i>Sea water temperature</i>		
	44 LJUS <input type="checkbox"/> Ban ngày <input type="checkbox"/> Đêm <input type="checkbox"/> Bình minh/Hoàng hôn <i>Daylight Darkness Dawn/Dusk</i>						Nếu có, loại băng <i>If yes, type of ice</i>						

45	Loại tai nạn <i>Type of accident</i>		Địa điểm <i>Place</i>		Ngày <i>Date</i>		Giờ GMT <i>GMT</i>		Giờ địa phương <i>Local time</i>		
	46 Vị trí <i>Position</i>										
	47 Cảng rời <i>Departure port</i>		Ngày rời <i>Departure date</i>		Thời gian rời <i>Time</i>		Cảng đích <i>Destination</i>				
	48 Cảng đến đầu tiên sau tai nạn <i>First port after the accident</i>		Ngày đến <i>Arrival date</i>		Thời gian đến <i>Time</i>						
	49 Tàu đến cảng đầu tiên sau tai nạn bằng máy chính của tàu hay không? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Did the ship proceed to the first port using its own propeller machinery Yes No</i>										
	50 Báo cáo hư hỏng (loại hư hỏng và các biện pháp áp dụng), nếu có thể thì nêu cả hậu quả, ví dụ: thời gian bị mất, lên đà, v.v... <i>Damage report (type of damages and measures taken) indicate if possible the consequence, e.g: lost time, docking, ect.</i>										
	51			Thuyền viên <i>Crew</i>	Hành khách <i>Passengers</i>	Những người khác trên tàu <i>Others on board</i>		Những người khác không ở trên tàu <i>Other not on board</i>		Tổng số <i>Total</i>	
		Số người <i>Number of persons</i>	Bị thương <i>Injured</i>								
			Chết <i>Dead</i>								
	52	Tên, địa chỉ và người thân gần nhất của người bị chết <i>Indicate name, address and nearest relative to the dead person</i>									

**B. Điền trong trường hợp tai nạn gây mắc cạn  
và/hoặc đâm va**

*To be filled in when the accident caused grounding  
and/or collision*

**Nếu các thiết bị nêu sau đây không được lắp đặt trên tàu  
thì viết "không" vào cột ghi chú**

*If the indicated instrument is not installed on board: write "no"  
in the remark column*

		Hãng sản xuất/loại <i>Manufacture / type</i>	Tình trạng <i>Condition</i>	Đang sử dụng lúc xảy ra tai nạn <i>In use at accident</i>	Ghi chú <i>Remarks</i>
53	Rada <i>Radar</i>	1			
		2			
		3			
54	ARPA <i>ARPA</i>	1			
		2			
55	La bàn con quay <i>Gyro compass</i>	1			
		2			
56	La bàn từ <i>Magnetic compass</i>	1			
		2			
57	Máy lái tự động <i>Automatic pilot</i>	1			
		2			
58	Bộ ghi hướng đi <i>Course recorder</i>				
59	Thiết bị báo động lệch hướng <i>Course deviation alarm</i>				Nối với <i>Coupled to</i>
60	Máy đo sâu <i>Echo-sounding device</i>				
61	Hệ vô tuyến Decca <i>Decca navigator</i>				
62	Máy hành hải vệ tinh <i>Satellite navigator</i>				
63	Omega <i>Omega</i>				
64	Loran <i>Loran</i>				
65	Các thiết bị trợ giúp hành hải khác <i>Other aids to navigation</i>				
66	Bộ phát tín hiệu sương mù <i>Fog signal apparatus</i>				Vị trí <i>Location</i>

CÁC THIẾT BỊ TRỢ GIÚP HÀNH HẢI  
AIDS TO NAVIGATION

			Nước xuất bản <i>Nationality</i>	Số <i>Number</i>	Năm in <i>Year of print</i>	Ngày tu chỉnh, được dán hoặc in <i>Correction date, stamped or printed</i>	Ngày tu chỉnh gần nhất trên tàu <i>Lastest correction on board</i>	Được sử dụng lúc xảy ra tai nạn (có hoặc không) <i>Was used at the accident (yes or no)</i>
67	Hải đồ <i>Chart</i>	Tỷ lệ <i>Scale</i>						
68	Danh bạ đèn biển <i>List of lights</i>							
69	Hàng hải chỉ nam <i>Sailing directions</i>							
70	Bảng thủy triều <i>Tide tables</i>							
71	Bảng/bản đồ dòng chảy <i>Current maps/table</i>							
72	"Các tín hiệu vô tuyến" <i>"Radio signals"</i>							
	Các loại khác <i>Others</i>							
72	Nêu các lỗi trong các ấn phẩm nêu trên được xem là có ảnh hưởng đến tàu <i>Indicate faults in the above-mentioned publications which are considered to effect to ship</i>							
73	Có nhận được các Thông báo hàng hải thường xuyên không? <i>Is Ufs (NtM) received regularly?</i>					Số và ngày của Thông báo hàng hải gần nhất <i>Number and date of the lastest Ufs (NtM)</i>		

74	THUYỀN VIÊN TRÊN BUỒNG LÁI TRƯỚC VÀ TẠI LÚC XẢY RA ĐÂM VAMẮC CẠM MANNING ON THE BRIDGE AT AND BEFORE THE COLLISION/GROUNDING	Ai ở trên buồng lái? <i>Who was on the bridge?</i>	
75		Người trực ca có nhiệm vụ nào khác vào khi và trước khi xảy ra tai nạn không? Nếu có, thì là nhiệm vụ gì? <i>Had anybody who belonged to the watch other duties at or before the accident? If yes, which?</i>	
76		Ai chịu trách nhiệm trên buồng lái? <i>Who was responsible on the bridge?</i>	Thuyền trưởng lúc đó ở đâu? <i>Where was the master?</i>
77		Ai đang trực trên buồng lái? <i>Who were on watch on the bridge?</i>	Những người liên quan có am hiểu vùng nước này không? <i>Were the persons concerned familiar with the the waters?</i>
78		Có hoa tiêu ở trên tàu không? <i>Was there a pilot on board?</i>	Hoa tiêu có am hiểu loại tàu này không? <i>Was the pilot familiar with the ship type?</i>



79	Ai vận hành ra đa số <i>Who operated the radar</i> No.	Ai vận hành ra đa số <i>Who operated the radar</i> No.	Ra đa số 1 sử dụng thang tầm xa nào <i>Which scale was used for radar No. 1</i>	Ra đa số 2 sử dụng thang tầm xa nào <i>Which scale was used for radar No. 1</i>	
80	Ra đa đã được sử dụng ở chế độ định hướng nào? <i>How were the radars used?</i> <input type="checkbox"/> Bắc thật <input type="checkbox"/> Tương đối <i>North up Relative</i>		<input type="checkbox"/> Chuyển động thật <input type="checkbox"/> Chuyển động tương đối <i>True motion Relative motion</i>		
81	Người cảnh giới đứng ở đâu? <i>Where was the look-out?</i>		Người cảnh giới có nhiệm vụ nào khác không <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Had the look-out other duties Yes No</i> Chỉ rõ nhiệm vụ gì <i>Indicate which</i>		
82	Nếu lái tay, ai là người lái? <i>At manual steering, who was at the helm?</i>		Nếu lái tự động, ai là người giám sát? <i>At use of automatic pilot, who supervises it?</i>		
83	Đối với buồng máy có người trực, ai là người trực ca? <i>At manual engine room, who was on watch?</i>		Nếu máy chính được điều khiển từ buồng lái, ai là người vận hành? <i>At manoeuvring of the main engine from the bridge, who operated?</i>		
	Đối với buồng máy không có người trực, ai là người trực ca? <i>At unattended engine room, who was on duty?</i>				
84	Tầm nhìn từ buồng lái có ảnh hưởng gì tới quá trình diễn biến các sự kiện không? <i>Had the visibility from the bridge any influence on the course of events?</i> Nêu thông tin chi tiết <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Give detailed information Yes No</i>		Hệ thống buồng lái có gây cản trở sự tập trung đối với hành hải an toàn không? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i> <i>Did the bridge arrangement obstructed the navigator from having full attention to safe navigation</i> (Vị trí của các hải đồ, VHF, v.v...) (Location of charts, VHF, etc) Nêu thông tin chi tiết <i>Give detailed information.</i>		
85	HÀNH HẢI TRƯỚC KHI ĐÂM VAMẮC CẠN <i>SAILING BEFORE THE COLLISION / GROUNDING</i>	Các hướng đi, khoảng cách an toàn.v.v... theo kế hoạch chuyển đi có được thể hiện trên hải đồ không? <i>Was voyage plan with courses laid in the chart, safety distance, etc, established</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Có tuân theo kế hoạch không? <i>Was the plan followed?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	Hành hải có bị ảnh hưởng bởi các hoạt động giao thông khác không? <i>Was the navigation influenced by other traffic</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes No</i>	
86		Các điều kiện cấu thành tai nạn <i>Circumstances which contributed to the accident</i>			
87		Vị trí an toàn cuối cùng trước khi xảy ra tai nạn <i>Last safe position before the accident</i>	Ngày <i>Date</i>	Thời gian <i>Time</i>	Chỉ số t. độ kế <i>Log</i>

88	Vị trí đó đã được xác định như thế nào? <i>How was that position fixed</i>								
	Vị trí tính toán được thao tác từ vị trí xác định gần nhất <i>Dead-reckoning from the lasted fixed position</i>								
89	Từ thời gian <i>From time</i>	Hướng lái la bàn con quay/từ <i>Steered course gyro / magn.</i>	Hướng lái thật <i>Steered true course</i>	Hướng đi thật <i>Sailed true course</i>	T.độ kế <i>Log</i>	Tốc độ <i>Speed</i>	Khoảng cách <i>Distance</i>	Lệnh hướng <i>Drift of course</i> Hướng <i>Direction</i>	Tốc độ <i>Speed</i>
90	Các hướng ngắm và quan trắc khác đã thực hiện <i>All bearing and other observations taken</i>								
91	Tốc độ bình thường của tàu <i>The ships normal speed</i>  Chậm máy <i>slow</i>	Nửa máy <i>Half</i>	Hết máy <i>Full</i>	Tốc độ trước lúc xảy ra tai nạn <i>Speed before the accident</i>	Tốc độ vào thời điểm va <i>Speed at the moment of impact</i>				
92	Các thông tin khác Other information: Lần xác định độ lệch hướng gần nhất: Lasted deviation observation:								

<p><b>Các mục từ 93 đến 107 được điền khi tàu liên quan đến đâm va</b>  <b>Items 93 to 107 shall be filled in when the ship has been involved in a collision</b></p>						
93	<p>Khi nào thì phát hiện được tàu kia?  <i>When was the other ship detected?</i></p>		<p>Thời gian  <i>Time</i></p>			
94	<p>Đối tượng đâm va được phát hiện như thế nào  <i>How was the collision object detected</i>  <input type="checkbox"/> Mất thường <input type="checkbox"/> Trên radar <input type="checkbox"/> Bằng âm hiệu  <i>Visual On radar By sound signal</i></p>		<p>Phương vị  <i>Bearing</i></p>	<p>Khoảng cách  <i>Distance</i></p>	<p>Phương vị và khoảng cách được xác định như thế nào?  <i>How was bearing and distance ascertained?</i>  <input type="checkbox"/> Quang cụ <input type="checkbox"/> Trên radar <input type="checkbox"/> Ước lượng  <i>Optical bearing Radar Estimated</i></p>	
95	<p>Tàu mình  <i>Own ship's</i></p>	<p>Hướng  <i>Course</i></p>	<p>Tốc độ  <i>Speed</i></p>	<p>Đồ giải tránh va Radar được thực hiện trên:  <i>Radar plotting carried out assisted by</i>  <input type="checkbox"/> Giấy <input type="checkbox"/> Mập đồ giải phản xạ <input type="checkbox"/> ARPA <input type="checkbox"/> Không đồ giải  <i>Diagram Reflection plotter ARPA No plotting</i></p>		
96	<p>Nguy cơ va chạm được phát hiện khi nào và như thế nào?  <i>When and how was the collision risk detected?</i></p>			<p>Tàu đã điều động như thế nào để tránh va?  <i>What manoeuvres were made by own ship?</i>  <input type="checkbox"/> Thay đổi tốc độ <input type="checkbox"/> Thay đổi hướng <input type="checkbox"/> Không làm gì  <i>Speed change Course change No</i></p>		
97	<p>Tàu có phát tín hiệu âm thanh không?  <i>Did own ship gave sound signals?</i>  <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không  <i>Yes No</i></p>			<p>Cách thức thu hút sự chú ý (VHF, đèn, v.v...)  <i>How was attention called for (VHF, light, etc)</i></p>		<p>Vào lúc nào?  <i>At what time?</i></p>
98	<p>Có nghe thấy âm hiệu từ tàu kia không?  <i>Were sound signals from the other ship observed?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không  <i>Yes No</i></p>			<p>Quan sát được những tín hiệu gì?  <i>What signals were observed?</i></p>		<p>Vào lúc nào?  <i>At what time?</i></p>
99	<p>Tàu mình đã trưng đèn/tín hiệu gì?  <i>What lights / signals were carried by own ship?</i></p>					
100	<p>Đèn/tín hiệu quan sát được trên tàu kia  <i>Lights / signals observed on the other ship</i></p>					
101	<p>Hướng và tốc độ của tàu kia khi quan sát được bằng mắt thường  <i>Course and speed of the other ship when it was observed visually</i></p>		<p>Hướng  <i>Course</i></p>	<p>Tốc độ  <i>Speed</i></p>	<p>Những thay đổi về hướng và tốc độ quan sát được  <i>Changes of course and speed observed</i></p>	
102	<p>Antenna Radar của tàu kia có quay không?  <i>Was the radar antenna on the other ship moving</i>  <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không quan sát được  <i>Yes No Not observed</i></p>			<p>Các đèn quan sát được của tàu kia có rõ không?  <i>Was the observed lanterns giving clear lights?</i></p>		
103	<p>Điều động tránh va có bị ảnh hưởng bởi tàu khác không?  <i>Were any avoidance manoeuvres disturbed by the other ship?</i>  <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không  <i>Yes No</i></p>			<p>Bối giao thông khác  <i>By other traffic</i>  <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không  <i>Yes No</i></p>		<p>Bối tính chất nước  <i>By the nature of the waters</i>  <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không  <i>Yes No</i></p>
104	<p>Có bất kỳ sự liên lạc bằng VTD giữa các tàu trước khi xảy ra tai nạn không?  <i>Were there any radio communication between the ships before the collision?</i>  <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không  <i>Yes No</i></p>			<p>Có cố gắng liên lạc bằng VTD không?  <i>Were any attempts made to take radio contact?</i>  <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không  <i>Yes No</i></p>		<p>Có liên lạc bằng VTD sau đâm va  <i>Radio contact after the collision</i>  <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không  <i>Yes No</i></p>
105	<p>Tàu kia có tải hay không?  <i>Was the other ship loaded?</i>  <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không quan sát được  <i>Yes No Not observed</i></p>			<p>Tàu kia có bị nghiêng không?  <i>Had the other ships a list?</i>  <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không quan sát được  <i>Yes No Not observed</i></p>		
106	<p>Tàu đối phương  <i>The other ship</i></p>	<p>Tên  <i>Name</i></p>	<p>Hồ hiệu  <i>Signal letters</i></p>	<p>Loại  <i>Type</i></p>	<p>Tổng dung tích  <i>Gross tonnage</i></p>	<p>Cảng đăng ký  <i>Port of registry</i></p>
107	<p>Đã làm những gì để trợ giúp tàu khác sau khi đâm va?  <i>What was made to assist the other ship after a collision?</i></p>					

CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TÍN HIỆU VÀ ĐIỀU ĐỘNG LÚC ĐAM VA  
 INFORMATION ON SIGNALS AND MANOEUVRES AT COLLISIONS

108	ĐÂM VÀMẮC CẠN COLLISION/GROUNDING	<p>Mô tả ngắn gọn quá trình diễn biến các sự kiện (điều động của tàu mình, điều động quan sát được của tàu bạn, các cản trở việc điều động, hư hỏng, thời gian tàu ra cạn.v.v.)</p> <p>Give a brief description of the course of events (own ship manoeuvres, observed manoeuvres of the other ship, obstacles for manoeuvres, damages, time when the ship came off the ground, etc.)</p> <p>Đối với tai nạn đâm va: Vẽ lại sơ đồ mô tả các tình huống từ lúc phát hiện được tàu đối phương cho đến thời điểm đâm va</p> <p><i>At a collision: Draw preferably a sketch showing the situation from the time when the other ship was detected to the collision moment.</i></p>
-----	--------------------------------------	---

### C. Điền trong trường hợp tai nạn gây cháy/nổ

C. To be filled in if the accident caused fire/explosion

109	VỊ TRÍ CHÁY/ĐÁNH LỬA FIRE/IGNITION PLACE	Cháy/nổ bắt đầu ở khu vực nào: <i>Area in which the fire/explosion started</i> <input type="checkbox"/> Buồng máy <input type="checkbox"/> Hầm hàng <input type="checkbox"/> Khoang ở <input type="checkbox"/> Các khu vực khác <i>Machinery space      Cargo space      Accommodation space      Other place</i>			
110		Mô tả chi tiết nơi vụ cháy/nổ bắt đầu <i>Describe in detail where the fire/explosion started</i>			
111		Nơi cháy tiếp theo <i>Where did the fire develop further</i>			
112		Vật liệu phát hỏa <i>Material in which the ignition took place</i> <input type="checkbox"/> Sản phẩm dầu <input type="checkbox"/> Gỗ <input type="checkbox"/> Vật liệu ngăn cách <input type="checkbox"/> Các vật liệu khác, nêu rõ <i>Oil production      Wood      Insulation material      Other, indicate what material</i>			
113		Nguyên nhân phát hỏa <i>Ignition causes</i> <input type="checkbox"/> Cháy <input type="checkbox"/> Tia lửa <input type="checkbox"/> Các bề mặt nóng <input type="checkbox"/> Tự động đánh lửa <input type="checkbox"/> Các loại khác, nêu rõ <i>Flame      Spark      Hot surfaces      Auto-ignition      Other, indicate what</i>			
114	CẢNH BÁO CHÁY VÀ THIẾT BỊ CỨU HỎA FIRE WARNING AND EXTINGUISHING EQUIPMENT	Thiết bị báo cháy có được lắp đặt tại nơi phát hỏa không <i>Were fire detection installed where the fire started</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes    No</i>		Nếu có, loại nào <i>If yes, what type</i> <input type="checkbox"/> Nhiệt <input type="checkbox"/> Khói <input type="checkbox"/> Loại khác, nêu rõ <i>Heat      Smoke      Other type, indicate what type</i>	
115		Hệ thống báo cháy hoạt động có tốt không <i>Did the warning system function satisfactory</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes    No</i>		Nếu không, mô tả các khiếm khuyết <i>If no, describe the deficiencies</i>	
116		Cháy được phát hiện như thế nào <i>How was the fire detected</i> <input type="checkbox"/> Thiết bị báo cháy <input type="checkbox"/> Người <input type="checkbox"/> Các loại khác <i>Fire detector      Personnel      Other means</i>			
117		Thiết bị chữa cháy cố định <i>Fixed fire extinguishing equipment</i>	Tại nơi cháy <i>At the accident place</i>	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes    No</i>	Nếu có, loại nào <i>If yes, indicate type</i>
118			Khu vực lân cận <i>Adjoining area</i>	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes    No</i>	Nếu có, loại nào <i>If yes, indicate type</i>

119	Nếu tai nạn xảy ra trong cảng, ai là người đang trực ca? <i>If accident occurred in port, who were on watch duty?</i>	
120	Vị trí của người trực ca khi phát hiện tai nạn? <i>Where were the persons on watch when the accident was detected?</i>	
121	Hướng gió tương đối ảnh hưởng như thế nào? <i>How was the relative wind direction</i>	Lần gần nhất, trước khi xảy ra tai nạn, có người đến khu vực này không? Nếu có, người nào? <i>When were persons at the accident place at the latest time before the accident?(Indicate, if possible, who)</i>
122	Có gì bất bình thường tại thời điểm đó không? <i>Was anything abnormal at that time?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes   No</i>	Nếu có, nêu rõ (ví dụ như báo động) <i>If yes, indicate what (e.g. alarm)</i>
123	Đã làm gì để dập lửa và hạn chế thiệt hại? <i>What was made to extinguish the fire and limit the damages?</i>	
124	Loại thiết bị chữa cháy đã sử dụng (cố định và/hoặc cầm tay) <i>What type of extinguishing equipment was used (fixed and/or portable)</i>	
125	Các thiết bị chữa cháy có hoạt động tốt không? <i>Did the extinguishing equipment function satisfactorily?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không * <i>Yes   No *</i>	Mô tả sự hoạt động của thiết bị chữa cháy, các khiếm khuyết,... <i>Describe how the extinguishing equipment functioned, deficiencies, etc.</i>
126	Các tấm chắn lửa và thiết bị đóng nhanh hoạt động tốt không? <i>Did fire dampers and quick shut-off arrangements function satisfactorily?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không* <i>Yes   No*</i>  * Nếu không, nêu các thiết bị hư hỏng và nguyên nhân tại Phần L <i>If no, indicate deficient equipment and causes in Part L</i>	Những thiết bị này được bố trí hợp lý không? <i>Were these suitably located</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes   No</i>

CHÁY/NỔ  
FIRE/EXPLOSION



**D. Diễn trong trường hợp tai nạn gây nghiêng/lật***D. To be filled in if the accident has caused list/capsizing*

127	Tai nạn liên quan đến <i>The accident was concerned with</i>	<input type="checkbox"/> Dịch chuyển của hàng hóa <input type="checkbox"/> Rò rỉ <input type="checkbox"/> Nghiêng tàu do thời tiết xấu <i>Shifting of cargo   Leakage   Violent heeling caused by heavy sea</i> <input type="checkbox"/> Tổng hợp của các dạng trên <input type="checkbox"/> Không rõ nguyên nhân <i>Combination of the above   Caused unknown</i> <input type="checkbox"/> Các nguyên nhân khác <input type="checkbox"/> Other caused	
128	Hàng hóa được bốc lên ở đâu? <i>Where was the cargo taken on board?</i>	Hàng hóa được bốc lên tàu có sự giám sát của cơ quan chức năng hay các tổ chức khác không <i>Did the loading take place under supervision of a state authority or other institution?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes   No</i>	
129	Tất cả các hầm/két hàng có xếp đầy không? <i>Were all hold / tanks fully loaded</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes   No</i>	Nếu có, cơ quan nào <i>If yes, indicate what authority</i>	
130	Hàng hóa trong hầm và trên boong đã được chằng buộc để phòng dịch chuyển như thế nào? <i>How was the hold and deck cargo secured against shifting?</i>		
131	Tàu đã vận chuyển hàng hóa loại này bao giờ chưa? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Has the ship previously carried the same type of cargo   Yes   No</i>		
132	Sau lần giám định khả năng đi biển gần nhất, tàu có hoán cải hoặc thay đổi làm ảnh hưởng tới ổn tính không? <i>Has the ship after the latest seaworthiness survey been rebuilt or altered in such a way that it influenced the stability?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes   No</i> Nếu có, mô tả các hoán cải <i>If yes, describe the modification</i>		
133	Tàu có được cấp thông báo ổn tính được duyệt không? <i>Were the ship provided with approved stability calculation?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes   No</i>	Tàu có sơ đồ xếp hàng cho chuyến hành trình hiện thời không? <i>Had the ship a cargo plan for the voyage in question?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes   No</i>	Tàu có được trang bị thiết bị thích hợp để tính toán ổn tính không? <i>Is the ship provided with an approved instrument for stability calculation</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Yes   No</i>

134	<p>Có tính toán ổn tính của tàu lúc rời cảng gần nhất không? <i>Was the stability calculated for the ship's condition at the departure from the last port?</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes No</p>	<p>Có tính toán ổn tính của tàu khi đến cảng dỡ không? <i>Ditto before arrival to the unloading port</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes No</p>
135	<p>Ổn tính của tàu có thỏa mãn không? <i>Was the stability satisfactory?</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes No</p>	<p>Chu kỳ lắc ngang của tàu, giây <i>Indicate the rolling period in seconds</i></p>
136	<p>Đã làm gì để tìm ra nguyên nhân nghiêng? (kiểm tra, đo kết,...) <i>What was done to find out the reason for the list? (Inspections, sounding, etc)</i></p>	
137	<p>Nêu nguyên nhân làm tăng độ nghiêng, nếu có thể <i>Indicate, if possible, the cause of the increasing list</i></p>	
138	<p>Đã làm gì để tàu khỏi nghiêng hoặc làm cho tàu cân bằng trở lại? <i>What was done to stop further list or to right the ship?</i></p>	
139	<p>Việc nghiêng tàu đã xảy ra như thế nào? <i>How did the heeling occur?</i></p> <p><input type="checkbox"/> Đột ngột <input type="checkbox"/> Độ nghiêng tăng từ từ Suddenly Gradually increasing</p>	
140	<p>Nếu tàu bị lật úp do độ nghiêng tăng từ từ, khi nào thì xác định được tình thế là nguy cấp? <i>If the capsizing occurred with a gradually increasing list, when was it established that the situation was critical?</i></p>	
141	<p>Nêu nguyên nhân lật, nếu có thể <i>Indicate, if possible, the cause of the capsizing</i></p>	

**E. Điền trong trường hợp tai nạn có sự rò rỉ***E. To be filled in if the accident includes a leakage*

142	<b>RÒ RỈ LEAKAGE</b>	Loại rò rỉ <i>Type of leakage</i> <input type="checkbox"/> Bên trong <i>Internal</i>		<input type="checkbox"/> Bên ngoài <i>External</i>
143		Rò rỉ <i>Leakage</i>	Nơi bắt nguồn <i>Place where it started</i>	Được phát hiện như thế nào? <i>How was it detected?</i>
			Ai phát hiện ra? <i>Detected by whom?</i>	Phát hiện khi nào? <i>When was it detected?</i>
144		Đã làm gì để loại trừ/hạn chế rò rỉ? <i>What was done to stop/minimize the leakage?</i>		
145		Nêu mức độ rò rỉ, nếu có thể <i>Indicate, if possible, the size of the leakage.</i>		
146		Các hậu quả do rò rỉ? <i>What consequences had the leakage?</i>		
147		Nêu nguyên nhân của rò rỉ, nếu có thể <i>Indicate, if possible, the cause of the leakage</i>		

**F. Điền trong trường hợp tai nạn là/do hư hỏng máy chính***F. To be filled in if the accident was/caused engine failure*

148	Mô tả hư hỏng <i>Describe the damage</i>
149	Hư hỏng đã bắt đầu xảy ra ở bộ phận hoặc hệ thống nào? <i>In which component or system did the damage initially occur?</i>

150	HỎNG MÁY ENGINE FAILURE	Các thông số kỹ thuật của bộ phận/hệ thống nói trên? (Nhà sản xuất, loại, số hiệu, tuổi, v.v.) <i>Technical data for component / system where the damage occurred (manufacturer, type, mark, age, etc.)</i>					
151		Thời gian của lần giám định phân cấp, kiểm tra hoặc các cuộc kiểm tra khác? <i>When was the component / system the latest time classed, inspected / surveyed or other wise controlled by an outside?</i>					
152		Hư hỏng đã được phát hiện như thế nào? <i>How was the damage detected?</i>	Ai đã phát hiện ra? <i>By whom?</i>	Khi nào? <i>When?</i>			
153		Có người trực ca buồng máy khi hư hỏng xảy ra không? <i>Was the machinery space manned when the damage occurred?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes      No		Ai đã hoặc lần cuối ở trong buồng máy trước khi hư hỏng xảy ra? <i>Who was, or who had last been in the machinery space before the damage occurred</i>			
154		Nêu diễn biến các sự việc theo trình tự thời gian, nếu có thể <i>Give, if possible, a description of the course of events in chronological order</i>					
155		Đã làm gì để hạn chế hư hỏng? <i>What was done to limit the extent of the damage?</i>					
156	Nêu nguyên nhân hư hỏng, nếu có thể <i>Indicate, if possible, the cause of the failure damage</i>						
157	Những hư hỏng có thể liên quan tới <i>Can the failure damage referred to</i> <table border="0"> <tr> <td><input type="checkbox"/> Thiếu sót trong chế độ bảo dưỡng <i>Faulty maintenance maintenance routines</i></td> <td><input type="checkbox"/> Thiếu sót trong hệ thống giám sát hoặc thiết bị giám sát <i>Failure in supervision systems or instruments</i></td> <td><input type="checkbox"/> Không tuân thủ các quy trình bảo dưỡng được thiết lập <i>That established routines had not been followed</i></td> <td><input type="checkbox"/> Các thiếu sót giám sát khác <i>Other supervision failure</i></td> </tr> </table>			<input type="checkbox"/> Thiếu sót trong chế độ bảo dưỡng <i>Faulty maintenance maintenance routines</i>	<input type="checkbox"/> Thiếu sót trong hệ thống giám sát hoặc thiết bị giám sát <i>Failure in supervision systems or instruments</i>	<input type="checkbox"/> Không tuân thủ các quy trình bảo dưỡng được thiết lập <i>That established routines had not been followed</i>	<input type="checkbox"/> Các thiếu sót giám sát khác <i>Other supervision failure</i>
<input type="checkbox"/> Thiếu sót trong chế độ bảo dưỡng <i>Faulty maintenance maintenance routines</i>	<input type="checkbox"/> Thiếu sót trong hệ thống giám sát hoặc thiết bị giám sát <i>Failure in supervision systems or instruments</i>	<input type="checkbox"/> Không tuân thủ các quy trình bảo dưỡng được thiết lập <i>That established routines had not been followed</i>	<input type="checkbox"/> Các thiếu sót giám sát khác <i>Other supervision failure</i>				

**G. Điền trong trường hợp tai nạn gây ô nhiễm/xả thải***G. To be filled in if the accident caused pollution / discharge*

158	<b>Ô NHIỄM/THẢI</b> <b>POLLUTION/DISCHARGE</b>	Loại ô nhiễm (Nêu rõ đặc tính kỹ thuật, tính chất của chất thải ra) Type of pollution (technical and characteristic designation of the discharge substance)						
159		Ô nhiễm xảy ra liên quan đến <i>Did the pollution occur in connection with</i>	<input type="checkbox"/> Đâm va <i>Collision</i>	<input type="checkbox"/> Bốc/dỡ hàng <i>Loading/unloading</i>	<input type="checkbox"/> Nhận nhiên liệu <i>Bunkering</i>	<input type="checkbox"/> Di chuyển hàng hoặc nhiên liệu <i>Transfer of cargo or bunker</i>	<input type="checkbox"/> Vệ sinh két <i>Tank cleaning</i>	<input type="checkbox"/> Nhấn chìm ngoài biển <i>Dumping in open sea</i>
			<input type="checkbox"/> Mắc cạn <i>Grounding</i>	<input type="checkbox"/> Lật úp <i>Capsizing</i>	<input type="checkbox"/> Rò rỉ <i>Leakage</i>	<input type="checkbox"/> Hư hỏng thiết bị <i>Equipment failure</i>	<input type="checkbox"/> Các nguyên nhân khác <i>Other cause</i>	
160		Việc thải có phải do thiếu sót trong quá trình vận hành thiết bị trên tàu không? <i>Was the discharge caused by faulty handling of equipment on board?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes        No			Nếu chất thải là dầu hoặc hàng hóa nguy hiểm, tàu có được cấp giấy chứng nhận cho loại hàng đó không? <i>If the discharge consisted of oil or hazardous cargo, was the ship provided with a valid certificate for such cargo?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes        No			
161		Nêu số lượng thải, lít <i>Indicate the amount discharge in litre</i>			Nêu kích thước của vệt dầu hoặc các chất lỏng độc hại khác <i>Indicate the size of oilslick or other liquid hazardous substance</i>			
162		Mô tả việc thải đã xảy ra như thế nào <i>Describe how the discharge occurred</i>						
163		Ai đã làm gì nhằm hạn chế/ngừng việc thải hoặc nhằm hạn chế sự lan rộng? <i>Who was doing in order to minimize /stop the discharge or in order to limit the spreading?</i> Đã thông báo về việc thải cho ai và như thế nào? <i>Who were notified concerning the discharge and how?</i>						
164	Báo cáo việc xả thải đã được gửi <i>Report on the discharge sent</i>		Ngày <i>Date</i>	Thời gian <i>Time</i>	Cho <i>To</i>	Người gửi <i>By</i>		

**H. Điền trong trường hợp tai nạn gây thương tật/nhiễm độc/chết**

*H. To be filled in if the accident caused injury / poisoning / death*

		BỊ THƯƠNG <i>INJURED</i>	NHIỄM ĐỘC <i>POISONED</i>	MẤT TÍCH <i>DISAP- PEARED</i>	CHẾT <i>DEAD</i>		
165	Thuyền viên <i>Crew members</i>						
166	Hành khách <i>Passengers</i>						
167	Những người khác trên tàu <i>Other persons onboard</i>						
	Những người khác ngoài tàu <i>Persons outside the ship</i>						
168	Tai nạn/thiệt hại phát sinh trực tiếp từ các sự cố khác không <i>Was the accident / damage directly caused by another occurrence</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes      No			Hoặc liên quan đến sai sót/tổn thất chung/tàu đắm (cứu hỏa, lai kéo, v.v...) <i>Or in connection with failure / average / shipwreck (fire extinguishing, towing, etc)</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes      No			
169	Tai nạn xảy ra liên quan đến việc sơ tán khỏi tàu không <i>Did the accident occur in connection with evacuation of the ship</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes      No			Nếu tai nạn trong khi làm việc, xảy ra ở vị trí làm việc nào? <i>If a working accident, where took the work place?</i>			
170	Người bị thương/chết có nhiệm vụ gì khi tai nạn xảy ra? <i>Which duty had the injured / dead person when the accident occurred?</i>						



171	Ai lệnh làm việc đó? <i>Who ordered the work?</i>		Ai chỉ huy việc đó? <i>Who lead the work?</i>	
172	Có quy định bảo hộ/an toàn đặc biệt nào không? <i>Existed special safety/protection provisions for the work in question?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes      No		Những quy định này có được tuân thủ không? <i>Were these provisions followed?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes      No	
173	Những hệ thống bảo hộ/an toàn có thỏa mãn không? <i>Were the safety/protection arrangements satisfactory?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes      No		Ban an toàn của tàu có xem xét các điều kiện làm việc trước khi xảy ra tai nạn không? <i>Were the working coditions before the accident considered by the safety committee?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes      No	
174	Mô tả các khiếm khuyết liên quan đến bảo hộ/an toàn, và lý do tại sao không được tuân thủ các quy định <i>Desrcible deficiencies concerning safety/protection, if any, and the reason why the provisions were not complied with</i>			
Ban an toàn của tàu đã xem xét tai nạn chưa? <i>Has the accident been considered by the safety committee</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes      No		Nếu có, đã quyết định các biện pháp gì? <i>If yes, what measures were decided?</i>		
		Các biện pháp này đã được áp dụng như thế nào <i>Have these measures been taken</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Một phần Yes      No      Partly		
Nếu là một phần, nêu rõ <i>If partly, indicate which</i>				

175	<p>Nếu tai nạn xảy ra trong các kết/khoang kín hoặc kết/khoang kín lân cận, nêu hàng hóa/các thứ bên trong các khoang này</p> <p><i>If the accident occurred in or in the neighbourhood of a tank / enclosed space, indicate then cargo / content in these space</i></p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px;"> <p>Hàng hóa/các thứ bên trong của chuyến trước</p> <p><i>Previous cargo / content</i></p> </div>
176	<p>Mô tả quy trình vệ sinh, bơm và đo nồng độ khí. Nêu thời gian sử dụng cho các công việc đó</p> <p><i>Describe the procedures for cleaning, pumping and gas measuring. Indicate the time use for that work</i></p>
177	<p>Đã áp dụng phương pháp đo nào nhằm kiểm soát lượng</p> <p><i>Was gas measuring made in order to control the amount of</i></p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: flex-end;"> <div style="text-align: center;"> <input type="checkbox"/> Khí độc <i>Poisonous gas</i> </div> <div style="text-align: center;"> <input type="checkbox"/> Khí dễ cháy <i>Flammable gas</i> </div> <div style="text-align: center;"> <input type="checkbox"/> Khí ôxy <i>Oxygen</i> </div> </div>
178	<p>Việc đo đã được tiến hành</p> <p><i>Gas measuring was made</i></p> <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: flex-end;"> <div style="text-align: center;"> <input type="checkbox"/> Trước khi xảy ra tai nạn Trị số đo <i>Before the accident</i> <i>Value read</i> </div> <div style="text-align: center;"> <input type="checkbox"/> Sau khi xảy ra tai nạn Trị số đo <i>After the accident</i> <i>Value read</i> </div> <div style="text-align: center;">             Ai đo  <i>By whom</i> </div> </div>
179	<div style="display: flex;"> <div style="flex: 1;"> <p>Nhà sản xuất và loại thiết bị đo, nêu cả que thử và ngày/tháng sử dụng lần gần nhất</p> <p><i>Measuring instrument manufacturer and type, indicates also type of measuring dips used and its last date / month of use</i></p> </div> <div style="flex: 0.5; border-left: 1px solid black; padding-left: 10px;"> <p>Ngày kiểm tra thiết bị gần nhất</p> <p><i>The instrument's latest control date</i></p> </div> </div>
180	<p>Các trang bị bảo hộ cá nhân có được sử dụng không?</p> <p><i>Was personnel protection equipment used?</i></p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <input type="checkbox"/> Có    <input type="checkbox"/> Không <i>Yes    No</i> </div>
181	<p>Mô tả các thiết bị bảo hộ đã sử dụng và các khiếm khuyết nếu có</p> <p><i>Describe the protection equipment used and any deficiencies, if any</i></p>

182	<p>Liệu tai nạn có liên quan đến hư hỏng kết cấu, hệ thống và thiết bị của tàu?  <i>Can the accident be related to faults in the ships' construction, arrangement or equipment?</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có    <input type="checkbox"/> Không  <i>Yes      No</i></p>
183	<p>Nếu có, nêu chi tiết  <i>If yes, give a detailed description</i></p>
184	<p>Tình trạng sức khỏe và tinh thần của người bị thương/chết có là nguyên nhân dẫn đến tai nạn hoặc làm cho hậu quả của nó trở nên nghiêm trọng hơn (say, chán nản.v.v...)  <i>Has the physical or psychical condition of the injured /dead person contribute to that the accident or its consequences has been more serious (alcohol, depression, etc)</i></p> <p><input type="checkbox"/> Có    <input type="checkbox"/> Không  <i>Yes      No</i></p>
185	<p>Trong trường hợp chết do ốm hoặc nhiễm độc, nêu thời gian lần được bác sĩ khám gần nhất  <i>In the case of death caused by sickness or poisoning, indicate the time when the person was last examined by a doctor</i></p>
186	<p>Có điểm gì đáng lưu ý về mặt tình trạng sức khỏe của người trước khi bị thương/chết?  <i>Were there anything noteworthy in respect of the person's health condition before the injury /death?</i></p>
187	<p>Khi nào phát hiện ra người đó bị ốm/bị thương/nhiễm độc/chết?  <i>When was it detected that the person was sick /injured /poisoned /dead?</i></p>
188	<p>Trong trường hợp bị nhiễm độc, tại sao chất độc có trên tàu?  <i>In the case of poisoning, why was the substance on board?</i></p> <p> <input type="checkbox"/> Chất đó được vận chuyển trên tàu            <input type="checkbox"/> Đã sử dụng trong quá trình bảo dưỡng            <input type="checkbox"/> Do các mục đích đặc biệt            <input type="checkbox"/> Không biết  <i>The substance was carried as cargo      Was used during maintenance      Procured for special purposes      Unknown</i> </p>
189	<p>Người đó đã tiếp xúc với chất độc đó như thế nào?  <i>How came the person in contact with the substance?</i></p>

190	Chất đó được cất giữ trên tàu như thế nào? <i>How was the substance stored on board?</i>		
191	Trách nhiệm đối với việc cất giữ chất đó trên tàu như thế nào? <i>How was responsible for the storage of the substance?</i>		
192	Người bị thương/chết có biết chất đó không? <i>Was the injured / dead person familiar with the substance</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không biết Yes        No            Do not know	Các bao kiện có được đánh dấu không? <i>Was the packaging marked?</i> <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không Yes        No	Như thế nào? <i>How?</i>
193	Mô tả khái quát quá trình diễn biến các sự kiện <i>Give a comprehensive description of the course of the event</i>		

Phụ lục số 3  
Ban hành kèm theo Quyết định số  
...../2005/QĐ-BGTVT  
ngày ...../...../2005 của Bộ trưởng  
Bộ Giao thông vận tải

# BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TAI NẠN HÀNG HẢI QUÝ...../NĂM 20....

Phân loại tai nạn	Số vụ tai nạn				Số người chết (người)	Số người bị thương (người)	Tổn thất vật chất
	Đặc biệt nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Ít nghiêm trọng	Cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<b>TỔNG SỐ</b>							a) Phương tiện, công trình GTVT:
<b>I. Trong đó, chia ra:</b>							
- Tàu trong nước							
- Tàu nước ngoài							
<b>II. Trong đó chia ra:</b>							b) Hàng hóa:
- Mất tích							
- Đâm va							
- Va chạm							
- Mắc cạn							
- Cháy							c) Chi phí sửa chữa:
- Nổ							
- Thủng vỏ							
- Tràn dầu							d) Môi trường:
- Lật tàu							
- Chìm đắm							
- Tai nạn khác							

Hà Nội, ngày..... tháng.... năm 20....

**CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**CỤC TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)